

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/3/2017

V/v không công nhận quan hệ

vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sô Thị Mẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Alê Y Bớ.

2. Bà Nguyễn Thị Anh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2016/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2016 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2016/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1970.

Đều trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là

do bất đồng quan điểm sống. Bà B và ông S đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Hiện tại, không còn tình cảm, bà B khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông S.

Về con chung: Bà B và ông S có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 27/9/2002, Nguyễn Thị Bích T2, sinh ngày 15/02/2005. Bà B có nguyện vọng nuôi hai cháu T1, T2, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà B và ông S tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc S thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị B. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay bà B khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, ông S thống nhất.

Về con chung: Ông S công nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung và thống nhất về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung như bà B trình bày.

Về tài sản chung: Ông S và bà B đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng với ông S, ông S đồng ý theo yêu cầu bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân của bà B và ông S là hôn nhân không hợp pháp, không được Nhà nước thừa nhận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Ngọc S là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà B và ông S có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 27/9/2002, Nguyễn Thị Bích T2, sinh ngày 15/02/2005. Bà B có nguyện vọng nuôi hai cháu T1, T2, phù hợp với lời khai của hai cháu T1, T2 là “ở với mẹ” nên hai cháu T1, T2 sẽ do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà B không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Các đương sự đã thỏa thuận phân chia, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Đối với vụ án trên được thụ lý từ ngày 09/11/2016, nên nguyên đơn bà B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000;
- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Ngọc S là quan hệ vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 27/9/2002 và Nguyễn Thị Bích T2, sinh ngày 15/02/2005 cho đến khi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản đủ để tự nuôi mình. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Nếu ông S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông S.

Bà B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:* Bà B và ông S tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Bà B phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0000483 ngày 09/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Bà B đã thi hành xong phần án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện S (2);
- UBND xã S;
- Lưu: HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Sô Thị Mẹo

